

NGHIÊN CỨU MỞ RỘNG HÀNH VI DỰ ĐỊNH BẰNG TÍCH HỢP YẾU TỐ ĐỒNG CẢM NHẪM THU HÚT KHÁN GIẢ QUAN TÂM ĐẾN THỂ THAO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TẠI VIỆT NAM

EXPANDING THE THEORY OF PLANNED BEHAVIOR BY INTEGRATING EMPATHY FACTORS TO ATTRACT AUDIENCES' INTEREST IN DISABILITY SPORTS IN VIETNAM

Nguyễn Ngọc Khánh Vân, Nguyễn Minh Quân, Trần Thị Thanh Thùy
Trường Đại học FPT

Tóm tắt: Nghiên cứu này xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến sự quan tâm của khán giả đối với thể thao người khuyết tật tại Việt Nam, sử dụng mô hình Lý thuyết Hành vi Dự định mở rộng có tích hợp yếu tố đồng cảm. Phân tích dữ liệu từ người tham gia khảo sát thông qua PLS-SEM cho thấy chuẩn mực chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi, và sự đồng cảm có ảnh hưởng đáng kể đến ý định tham gia của khán giả, trong đó thái độ đóng vai trò trung gian cho tác động của sự đồng cảm. Kết quả nghiên cứu cung cấp những hiểu biết cho các bên liên quan trong thể thao người khuyết tật nhằm tăng cường sự tham gia thông qua ảnh hưởng xã hội, cải thiện khả năng tiếp cận, và xây dựng kết nối cảm xúc với vận động viên khuyết tật, góp phần tạo nên môi trường thể thao người khuyết tật toàn diện hơn tại Việt Nam.

Từ khóa: Hành vi Dự định; tích hợp yếu tố đồng cảm; thu hút khán giả quan tâm đến thể thao người khuyết tật tại Việt Nam

Abstract: This study examines the factors influencing audience interest in disability sports in Vietnam, using an Extended Theory of Planned Behavior model that integrates empathy. Data analysis from survey participants through PLS-SEM shows that subjective norms, perceived behavioral control, and empathy significantly affect audience participation intentions, with attitude serving as a mediating role for the impact of empathy. The research findings provide insights for stakeholders in disability sports to enhance participation through social influence, improve accessibility, and build emotional connections with disabled athletes, contributing to a more inclusive disability sports environment in Vietnam.

Keywords: Intended behavior; integrating empathy factors; attracting the audience's interest in disability sports in Vietnam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Parasport hay còn được gọi là thể thao dành cho người khuyết tật, đã và đang nhận được sự quan tâm ngày càng tăng trên toàn cầu trong những năm gần đây. Tại Việt Nam, thể thao người khuyết tật đã có những bước tiến đáng kể trong thập kỷ qua, với việc quốc gia tham gia Paralympic Games từ năm 2000 và giành được 6 huy chương, trong đó có 1 huy chương vàng của VĐV Cử tạ Lê Văn Công (International Paralympic Committee, 2024). Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách để thúc đẩy sự tham gia và hòa nhập trong thể thao người khuyết tật. Tuy nhiên,

vẫn còn những thách thức về cơ sở hạ tầng, tài trợ và nhận thức của công chúng (Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, 2019).

Sự quan tâm của khán giả đóng vai trò quan trọng trong phát triển và duy trì thể thao người khuyết tật. Điều này có thể dẫn đến sự gia tăng về mức độ tham gia, đầu tư, hòa nhập xã hội và tạo động lực cho vận động viên (Cherney, 2013). Tại Việt Nam, việc thu hút sự quan tâm của khán giả đặc biệt quan trọng do vị thế mới nổi của quốc gia trong thể thao người khuyết tật toàn cầu. Sự tham gia của công chúng có thể nâng cao nhận thức về các

vấn đề khuyết tật, thúc đẩy hòa nhập xã hội, truyền cảm hứng cho các vận động viên tương lai, và thu hút tài trợ cũng như sự quan tâm của truyền thông (Ayomide Gbadamosi, 2024). Tuy nhiên, thể thao người khuyết tật thường gặp khó khăn trong việc thu hút sự quan tâm của khán giả như thể thao thông thường (Paradis, 2017a).

Mặc dù chính phủ đã nỗ lực, việc thiếu sự quan tâm của khán giả đối với thể thao người khuyết tật tại Việt Nam vẫn là một vấn đề lớn, cản trở sự phát triển và khả năng hiện diện của nó. Việc hiểu được những yếu tố thúc đẩy hoặc hạn chế sự quan tâm của khán giả là rất quan trọng để thúc đẩy thể thao người khuyết tật hiệu quả hơn và đảm bảo nó đạt được tiềm năng đầy đủ trong việc thúc đẩy hòa nhập và tạo ra các lợi ích xã hội và kinh tế (Misener & Darcy, 2014).

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự quan tâm của khán giả đối với thể thao người khuyết tật tại Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố quyết định chính của sự tham gia của công chúng với thể thao người khuyết tật và đưa ra các khuyến nghị khả thi để tăng cường sự tham gia này. Nghiên cứu sẽ giải quyết hai câu hỏi chính:

- Những yếu tố chính ảnh hưởng đến sự quan tâm của khán giả đối với thể thao người khuyết tật tại Việt Nam?

- Làm thế nào các bên liên quan (tổ chức thể thao, nhà hoạch định chính sách, truyền thông) có thể tăng cường sự tham gia của công chúng với thể thao người khuyết tật trong nước?

Nghiên cứu này tập trung vào việc tìm hiểu các yếu tố cá nhân, xã hội và môi trường khác nhau góp phần hoặc cản trở sự tham gia của công chúng với thể thao người khuyết tật, dựa trên Lý thuyết Hành vi Dự định (TPB) (Ajzen, 1991) và yếu tố đồng cảm (Bartsch và c.s., 2016a). Ý nghĩa của nghiên cứu này nằm ở tiềm năng đóng góp vào sự phát triển và bền vững lâu dài của thể thao người khuyết tật tại Việt Nam. Bằng cách xác định và giải quyết các yếu tố ảnh hưởng đến sự quan tâm của khán giả, kết quả nghiên cứu có thể hướng dẫn các bên liên quan trong việc thúc đẩy thể thao người khuyết tật hiệu quả hơn (Cottingham, 2014). Sự quan tâm của công chúng có thể dẫn đến sự hòa nhập xã hội lớn hơn, truyền cảm hứng cho các thế hệ vận động viên tương lai, và thu hút đầu tư cũng như hỗ trợ cần thiết (Taks và c.s., 2018). Đặc biệt, nghiên cứu góp phần thúc đẩy môi trường toàn diện cho thể thao người khuyết tật tại Việt Nam.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Về đặc điểm mẫu

Bảng 1. Thông tin nhân khẩu học của người tham gia khảo sát (n = 296)

Các biến nhân khẩu học	Danh mục	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	Dưới 18 tuổi	58	19.6
	18 - 30 tuổi	216	73.0
	Trên 30 tuổi	22	7.4
Giới tính	Nam	119	40.2
	Nữ	177	59.8
Thu nhập	< 3,000,000 VND	46	15.5
	3,000,000 - 10,000,000 VND	176	59.5
	> 10,000,000 VND	74	25.0
Vùng, miền	Nam	120	40.5
	Trung	30	10.1

	Bắc	146	49.3
Khu vực	Thành thị	256	86.5
	Nông thôn	40	13.5

Qua phân tích từ Bảng 1, các phản hồi được thu thập từ 296 người tham gia đã từng tiếp xúc với các sự kiện thể thao người khuyết tật tại Việt Nam. Đa số người trả lời (73%) có độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi, tiếp theo là 19,6% dưới 18 tuổi, và 7,4% trên 30 tuổi. Về giới tính, mẫu bao gồm 59,8% nữ và 40,2% nam. Về thu nhập, đa số người trả lời (59,5%) báo cáo thu nhập hàng

tháng từ 3.000.000 – 10.000.000 VND, với 25% kiếm được trên 10.000.000 VND, và 15,5% kiếm được dưới 3.000.000 VND. Phân bố mẫu theo khu vực cho thấy 49,3% người trả lời đến từ khu vực miền Nam, 40,5% từ khu vực miền Bắc, và 10,1% từ khu vực miền Trung. Hơn nữa, 86,5% người tham gia sống ở khu vực thành thị, với 13,5% còn lại sống ở khu vực nông thôn.

3.2. Về đánh giá mô hình đo lường

Bảng 2. Đánh giá thang đo

Mục đo lường	Hệ số tải ngoài	Cronbach's Alpha
Chuẩn mực chủ quan (SJN) (CR = 0,944; AVE = 0.808) (điều chỉnh từ Chen và c.s. (2023))		
Hầu hết những người quan trọng đối với tôi sẽ ủng hộ sự quan tâm của tôi đến các sự kiện thể thao người khuyết tật.	0.964	0.92
Hầu hết những người quan trọng đối với tôi ủng hộ sự tham gia của tôi vào các hoạt động thể thao người khuyết tật.	0.88	
Hầu hết những người quan trọng đối với tôi hiểu sự quan tâm của tôi đến thể thao người khuyết tật.	0.875	
Hầu hết những người quan trọng đối với tôi sẽ khuyên tôi tham dự các sự kiện thể thao người khuyết tật.	0.873	
Đồng cảm (EMP) (CR = 0.951; AVE = 0.867) (điều chỉnh từ Duong (2023))		
Hầu hết những người quan trọng đối với tôi sẽ khuyên tôi tham dự các sự kiện thể thao người khuyết tật.	0.967	0.923
Nhìn thấy các vận động viên khuyết tật thi đấu tạo ra phản ứng cảm xúc trong tôi.	0.913	
Tôi cảm thấy thương cảm cho các vận động viên đối mặt với những thách thức về thể chất hoặc tinh thần.	0.912	
Nhận thức kiểm soát hành vi (PBC) (CR = 0.950; AVE = 0.825) (điều chỉnh từ Chen và c.s. (2023))		
Tôi tự tin rằng nếu muốn, tôi có thể tham dự các sự kiện thể thao người khuyết tật tại Việt Nam.	0.969	0.929
Tôi có khả năng tham gia các hoạt động thể thao người khuyết tật tại Việt Nam.	0.877	
Tôi có đủ nguồn lực (tiền) để tham dự các sự kiện thể thao người khuyết tật tại Việt Nam.	0.901	
Tôi có đủ thời gian để theo dõi các hoạt động thể thao người khuyết tật tại Việt Nam.	0.883	
Thái độ (ATT) (CR = 0.946; AVE = 0.780) (điều chỉnh từ Chen và c.s. (2023))		
Tôi sẵn sàng dành thời gian và tiền bạc để tham dự các sự kiện thể	0.968	0.929

thao người khuyết tật tại Việt Nam.		
Tôi nghĩ việc ủng hộ thể thao người khuyết tật tại Việt Nam là một hành vi tích cực.	0.848	
Tôi nghĩ việc tham gia thể thao người khuyết tật tại Việt Nam là một hành vi có giá trị.	0.869	
Tôi nghĩ việc tham dự các sự kiện thể thao người khuyết tật tại Việt Nam là một hành vi có ích.	0.865	
Tôi nghĩ việc quan tâm đến thể thao người khuyết tật tại Việt Nam là một hành vi cần thiết.	0.86	
Ý định hành vi (INT (CR = 0.922; AVE = 0.798) (điều chỉnh từ Chen và c.s. (2023))		
Tôi sẽ cố gắng tham dự các sự kiện thể thao người khuyết tật tại Việt Nam trong tương lai gần.	0.954	0.873
Tôi có ý định tham gia nhiều hơn với thể thao người khuyết tật tại Việt Nam.	0.875	
Tôi sẵn sàng theo dõi các hoạt động thể thao người khuyết tật tại Việt Nam.	0.849	

Bảng 3. Phân tích tiêu chuẩn Fornell-Larcker

	ATT	EMP	INT	PBC	SJN
ATT	0.883				
EMP	0.768	0.931			
INT	0.745	0.594	0.894		
PBC	0.531	0.432	0.755	0.908	
SJN	0.512	0.418	0.754	0.554	0.899

Bảng 4. Phân tích HTMT

	ATT	EMP	INT	PBC	SJN
ATT					
EMP	0.825				
INT	0.815	0.652			
PBC	0.568	0.462	0.827		
SJN	0.549	0.451	0.829	0.595	

Phân tích cho thấy các hệ số tải ngoài dao động từ 0.848 đến 0.969, vượt quá ngưỡng 0.7, và giá trị AVE từ 0.780 đến 0.867, cao hơn nhiều so với mức chuẩn 50%, xác nhận rằng tất cả các cấu trúc đều thể hiện tính giá trị hội tụ. Hơn nữa, các giá trị Cronbach's Alpha dao động từ 0.873 đến 0.929, vượt quá ngưỡng chấp nhận được là 0.7, trong khi hệ số rho_A nằm trong khoảng từ 0.906 đến 0.934, cho thấy tính nhất quán và độ tin cậy nội bộ mạnh mẽ giữa các cấu trúc.

Nghiên cứu cũng kiểm tra giá trị phân biệt bằng cách sử dụng căn bậc hai của AVE

và tương quan giữa các cấu trúc. Căn bậc hai của AVE, dao động từ 0.883 đến 0.931, liên tục vượt quá các hệ số tương quan tương ứng, củng cố giá trị phân biệt của các cấu trúc. Ngoài ra, tỷ lệ Heterotrait-Monotrait (HTMT) được đánh giá, với các giá trị từ 0.451 đến 0.829, tất cả đều dưới ngưỡng đề xuất là 0.85. Những kết quả này xác nhận rằng các cấu trúc khác biệt với nhau và đáp ứng các tiêu chí về giá trị phân biệt. Các phát hiện cho thấy mô hình đo lường vừa đáng tin cậy vừa có giá trị, đảm bảo sự phù hợp của nó cho việc phân tích mô hình cấu trúc tiếp theo.

3.3. Kết quả và thảo luận

Phân tích PLS-SEM đã cho thấy mối quan hệ đáng kể giữa các cấu trúc chính trong hành vi của khán giả thể thao người khuyết tật.

Chuẩn mực chủ quan và Ý định (H1) cho thấy mối quan hệ tích cực mạnh mẽ ($\beta = 0.369, p < 0.001$), xác nhận vai trò quan trọng của ảnh hưởng xã hội trong việc hình thành ý định xem thể thao người khuyết tật. Điều này phù hợp với cả Lý thuyết Hành vi Dự định (Ajzen, 1991) và các nghiên cứu gần đây về khán giả thể thao người khuyết tật (M. Kim và c.s., 2023; M. S. Kim & James, 2016).

Nhận thức kiểm soát hành vi (H2) thể hiện tác động tích cực đáng kể ($\beta = 0.356, p < 0.001$), nhấn mạnh tầm quan trọng của khả năng tiếp cận và các rào cản thực tế trong việc

tham gia thể thao người khuyết tật (Chiu và c.s., 2018; Cottingham, 2014; Kevin K. Byon, 2011).

Tác động trực tiếp của sự đồng cảm (H3) đã được xác nhận ($\beta = 0.286, p < 0.001$), ủng hộ các phát hiện trước đây về vai trò của kết nối cảm xúc trong việc xem thể thao người khuyết tật (Aaron Beacom, 2016; Bartsch, 2012).

Vai trò trung gian của Thái độ (H4) được thiết lập thông qua hệ số đường dẫn đáng kể giữa sự đồng cảm và thái độ ($\beta = 0.768, p < 0.001$) và giữa thái độ và ý định ($\beta = 0.361, p < 0.001$). Điều này mở rộng hiểu biết về vai trò của thái độ trong hành vi tiêu dùng thể thao (D. C. Funk và c.s., 2012).

Bảng 5. Hệ số đường dẫn (Tác động trực tiếp)

	β	Độ lệch chuẩn	Thống kê T	Giá trị P
ATT -> INT	0.361	0.048	7.545	0.000
EMP -> ATT	0.768	0.020	37.636	0.000
EMP -> INT	0.286	0.028	10.058	0.000
PBC -> INT	0.356	0.033	10.777	0.000
SJN -> INT	0.369	0.033	11.057	0.000

Bảng 6. Tổng tác động gián tiếp

	β	Độ lệch chuẩn	Thống kê T	Giá trị P
EMP -> INT	0.277	0.038	7.237	0.000

Bảng 7. Tác động gián tiếp cụ thể

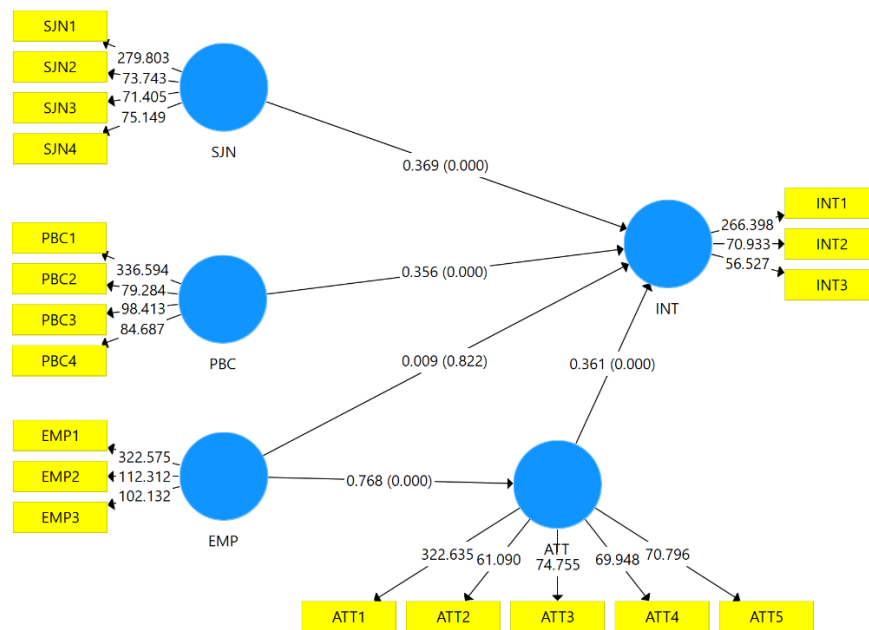
	β	Độ lệch chuẩn	Thống kê T	Giá trị P	Kết quả
EMP -> ATT -> INT	0.277	0.038	7.237	0.000	Trung gian một phần

Bảng 8. R Bình phương và R Bình phương điều chỉnh

	R Bình phương	R Bình phương điều chỉnh
ATT	0.590	0.588
INT	0.821	0.818

Những phát hiện này cho thấy sự tương tác phức tạp của các yếu tố cảm xúc, xã hội và kiểm soát trong hành vi của khán giả thể thao người khuyết tật (D. Funk và c.s., 2009; Laura Misener và c.s., 2018), mở rộng việc áp dụng

Lý thuyết Hành vi Dự định trong bối cảnh thể thao người khuyết tật (Lee & Cunningham, 2019) đồng thời cung cấp các ý nghĩa thực tiễn để tăng cường sự tham gia (Paramio-Salcines và c.s., 2018).



Hình 2. Mô hình Smart-PLS bao gồm Hệ số tải ngoài, Hệ số Beta (β) và giá trị p

4. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu mở rộng Lý thuyết Hành vi Dự định bằng tích hợp yếu tố đồng cảm nhằm thu hút khán giả quan tâm đến thể thao người khuyết tật tại Việt Nam nghiên cứu đã giúp:

- Phát hiện sự ảnh hưởng xã hội, hướng dẫn các bên liên quan trong việc tạo ra môi trường toàn diện cho thể thao người khuyết tật tại Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển và tính bền vững của nó.

- Tạo chiến dịch truyền thông xã hội để nâng cao tầm nhìn của thể thao người khuyết tật.

- Cải thiện khả năng tiếp cận địa điểm, cung cấp thông tin sự kiện rõ ràng và phát triển các đối tác vận chuyển để tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật tham dự.

Kết nối cảm xúc của các vận động viên khuyết tật và tạo cơ hội tương tác trực tiếp với khán giả.

- Phát triển chính sách, phân bổ nguồn lực cho cơ sở hạ tầng, thực hiện các ưu đãi tài trợ và phát triển các chương trình thúc đẩy sự tham gia thể thao người khuyết tật./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aaron Beacom, I. B. (2016). Public Diplomacy and the International Paralympic Committee: Reconciling the Roles of Disability Advocate and Sports Regulator. *Physical Culture and Sport Studies and Research*.
2. Ajzen, I. (2011). The theory of planned behaviour: Reactions and reflections. *Psychology and Health*.
3. Antunovic, D. B. A. (2022). Media Coverage of the Paralympics: Recommendations for Sport.
4. Ayomide Gbadamosi. (2024, Tháng Tám 20). Why media coverage is important for the Paralympic.
5. Báo Nhân Dân. (2023, Tháng Sáu 11). Thể thao người khuyết tật Việt Nam khẳng định vị thế топ đầu.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích dẫn từ Khóa luận tốt nghiệp “*Tình yêu của thể thao người khuyết tật tại Việt Nam*” Khóa luận được bảo vệ tại Hội đồng khoa học Trường Đại học FPT tháng 12/2024.

Ngày nhận bài: 24/10/2024; Ngày đánh giá: 31/10/2024; Ngày duyệt đăng: 07/11/2024.